

Bản án số: 506/2023/DS-PT
Ngày: 07/12/2023
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 300/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 438/2023/QĐXXPT – DS ngày 20/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Bành Thị Ngọc T, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Văn B, sinh năm: 1957.

3.2. Anh Hồ Minh N, sinh năm: 1994.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, anh N: Bà Bành Thị Ngọc T, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023.

Bà Nguyễn Thị Kim H, bà Bành Thị Ngọc T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 9, diện tích 51,6m², có nguồn gốc trước đây bà H nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Tuyết M theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) công chứng ngày 09/11/2018, đến ngày 20/3/2019 bà H được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Khi bà H nhận chuyển nhượng thửa đất số 69 thì trên đất có căn nhà tạm của bà Bành Thị Ngọc T cất nhờ trên một phần thửa đất số 69 (bà M cho bà T cất nhờ trên một phần thửa đất 69 vào khoảng năm 2012, bà M đã chết vào năm 2021). Sau khi bà H được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ bà H yêu cầu bà T di dời căn nhà trên thửa đất số 69 để giao đất cho bà H, nhưng bà T không đồng ý, bà H có làm đơn gửi UBND xã T, thành phố S yêu cầu giải quyết; UBND xã T tiến hành hòa giải thành ngày 05/9/2019, bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 01 năm kể từ ngày 05/9/2019 đến ngày 05/9/2020, bà H đồng ý hỗ trợ bà T chi phí di dời nhà là 30.000.000đồng. Tuy nhiên sau ngày 05/9/2020 bà T không di dời nhà giao đất cho bà H.

Đến cuối năm 2021 bà H khởi kiện bà T đến Tòa án Sa Đéc yêu cầu bà T di dời nhà trên một phần thửa đất số 69 để giao đất cho bà H, đến ngày 25/3/2022 bà T và bà H làm văn bản thỏa thuận bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 03 tháng kể từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/6/2022, bà H đồng ý hỗ trợ bà T chi phí di dời nhà là 60.000.000đồng. Nhưng sau ngày 25/6/2022 bà T vẫn không thực hiện việc di dời nhà để giao đất cho bà H.

Nay bà H yêu cầu bà T, ông B, anh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² theo sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, vì phần đất này là một phần của thửa đất số

69, tờ bản đồ số 9, diện tích 51,6m² bà H đang đứng tên QSDĐ, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp. Bà H đồng ý hỗ trợ bà T, ông B, anh N chi phí đi dời nhà là 20.000.000 đồng.

Bà H không có tranh chấp, không có yêu cầu gì về hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với bà Huỳnh Thị Tuyết M và không có yêu cầu gì với những người thuộc hàng thừa kế của bà M. Bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Bành Thị Ngọc T trình bày:

Trước đây, vào năm 1990 bà T có mua của bà Huỳnh Thị Tuyết M phần đất phía trên đường N diện tích khoảng tám mươi mấy mét vuông và phần cặp bờ sông (phần đất hiện nay bà H đang tranh chấp với bà T) với giá 7,4 cây vàng và 2 triệu đồng. Phần đất phía trên đường N thì bà M đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên làm hợp đồng công chứng và sau đó bà T đã đứng tên QSDĐ, do làm ăn thất bại nên khoảng năm 2004 – 2005 bà T đã bán phần đất này.

Đối với phần đất cặp bờ sông (phần đất hiện nay bà H đang tranh chấp với bà Thành H1 1 và H1 5) khi bà T mua của bà M thì bà T không biết bà M được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ chưa (khi mua phần đất này không có làm hợp đồng, giấy tờ gì). Thời điểm bà T mua phần đất này của bà M thì địa chính xã nói với bà T đất cặp bờ sông không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, nên bà T không làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Đến năm 2006 sau khi bán phần đất phía trên thì bà T cất nhà trên phần đất tranh chấp với bà H để ở đến nay, do bà T đã cất nhà ở trên phần đất mé sông này nhưng bà M không có nói với bà T là đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, nên ngày 10/6/2008 bà T và bà M làm tờ mua bán đất để chứng tỏ bà M có bán cho bà Thành phần đất mé sông này. Tờ mua bán đất này được lập ngày 10/6/2008 tại nhà bà M, lúc viết tờ mua bán đất chỉ có bà T và bà M, tờ mua bán đất là do bà T viết, bà T và bà M cùng ký tên. Bà M đã chết vào khoảng tháng 8/2021.

Đến năm 2019 khi bà H tranh chấp với bà T ở UBND xã T, thành phố S thì bà T mới biết bà M được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ phần đất đang tranh chấp và bán cho bà H, bà H cũng đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Trên phần đất đang tranh chấp hiện nay chỉ có căn nhà của bà T. Hiện có 03 người đang sinh sống trong nhà là bà T, ông Hồ Văn B và anh Hồ Minh N.

Nay bà T không đồng ý di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² theo sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S theo yêu cầu của bà H. Bà T chỉ đồng ý di dời nhà giao đất nếu bà H hỗ trợ cho bà T, ông B, anh N chi phí di dời nhà là 60.000.000 đồng.

Bà T không có tranh chấp, không có yêu cầu gì về hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với bà Huỳnh Thị Tuyết M đối với phần đất đang tranh chấp với bà H và không có yêu cầu gì với những người thuộc hàng thừa kế của bà M. Bà T không có tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng và các Giấy chứng nhận QSDĐ phần đất đang tranh chấp cho bà M, bà H.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N là bà Bành Thị Ngọc T trình bày:

Ông B, anh N thống nhất với toàn bộ lời trình bày, ý kiến, yêu cầu của bà Bành Thị Ngọc T.

Ngoài ra, ông B, anh N không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Bành Thị Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N.

Buộc bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H phần đất Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

(kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 24/11/2022).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H hỗ trợ bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N chi phí di dời nhà tiền chế, nhà phụ Hình 1, H1 5 ra khỏi phần đất đang tranh chấp. Số tiền bà H hỗ trợ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, hướng dẫn thi hành án, thời hạn kháng cáo.

Ngày 25/7/2023 bà Bành Thị Ngọc T là bị đơn, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Bành Thị Ngọc T nộp đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 08/8/2023 với nội dung yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H hỗ trợ 60.000.000 đồng mới đủ chi phí di dời và gia đình bà đồng ý di dời toàn bộ nhà đi nơi khác.

Bà Nguyễn Thị Kim H đồng ý hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng, nếu gia đình bà T không nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, ông B, anh N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Bà Bành Thị Ngọc T là bị đơn; ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thay đổi kháng cáo đề nghị bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà với số tiền 60.000.000 đồng thì bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H.

Bà H đồng ý hỗ trợ thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà H đồng ý hỗ trợ hộ bà T là 30.000.000 đồng trong trường hợp bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H. Trường hợp bà T và các thành viên trong hộ không đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H thì bà H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nhận thấy:

Nguyên đơn bà H yêu cầu bà T, ông B, anh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1 (nhà tiền chế của bà T), H1 5 (nhà phụ của bà T) diện tích tổng cộng là 11,3m² theo sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, vì phần đất này là một phần của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 9, diện tích 51,6m² bà H đang đứng tên QSDĐ, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp. Bà H đồng ý hỗ trợ bà T, ông B, anh N chi phí di dời nhà là 20.000.000 đồng.

Bà H và bà T đều thừa nhận phần đất đang tranh chấp Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng 11,3m² là một phần của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 9, diện tích 51,6m² bà H đang đứng tên QSDĐ, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

Bà T trình bày trước đây vào năm 1990 nhận chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp Hình 1, Hình 5 của bà Huỳnh Thị Tuyết M nhưng không có làm hợp

đồng, giấy tờ gì. Cùng thời điểm này bà T có nhận chuyển nhượng của bà M phần đất diện tích khoảng tám mươi mấy mét vuông có làm hợp đồng và đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ diện tích khoảng tám mươi mấy mét vuông. Phần đất Hình 1, Hình 5 bà T chưa được công nhận QSDĐ. Bà T có giao nộp cho Tòa án Tờ mua bán đất giấy tay có đề ngày 10-6-2008 để chứng minh có nhận chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp Hình 1, Hình 5. Tuy nhiên, Tờ mua bán đất này không thể hiện phần đất chuyển nhượng là thửa đất nào, diện tích bao nhiêu, đất tọa lạc tại đâu và bà M cũng đã chết năm 2021 nên không chứng minh được việc bà T nhận chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp Hình 1, Hình 5 từ bà M.

Qua tài liệu thu thập được thể hiện thửa đất số 69, tờ bản đồ số 9 được UBND thị xã S cấp quyền sử dụng cho hộ bà Huỳnh Thị Tuyết M ngày 20/02/2004, đến ngày 09/11/2018 hộ bà Huỳnh Thị Tuyết M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 69 cho bà H và bà H được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ từ ngày 20/3/2019. Bên cạnh đó, vào ngày 05/9/2020 UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp giữa bà H và bà T thì bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 01 năm kể từ ngày 05/9/2019 đến ngày 05/9/2020 và ngày 25/3/2022 bà T và bà H làm văn bản thỏa thuận bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 03 tháng kể từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/6/2022 nhưng sau đó bà T đều không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp Hình 1, Hình 5 là của bà H. Bà H khởi kiện yêu cầu bà T, ông B, anh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² theo sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S là có căn cứ.

Phần đất tranh chấp có Hình 1 có một phần nhà tiền chế của bà T gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần đất Hình 5 có một phần nhà phụ gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m² khi tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu nhà tiền chế, nhà phụ của bà T. Tuy nhiên, những phần nhà tiền chế, nhà phụ còn lại của bà T được xây dựng trên đường T - N, kênh Đ do nằm trong hành lang đường bộ, đường thủy nên hộ bà Bành Thị Ngọc T được bố trí vào Cụm dân cư giai đoạn 2 (đợt 15) trên địa bàn thành phố S. Hơn nữa bà H cũng đồng ý hỗ trợ bà T, ông B, anh N 20.000.000 đồng chi phí di dời nhà trong H, H1 5. Nên buộc bà T, ông B, anh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích

1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1, H1 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T thay đổi kháng cáo đề nghị bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà với số tiền 60.000.000 đồng thì bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H. Bà H đồng ý hỗ trợ thêm số tiền 10.000.000 đồng trong trường hợp bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H. Bà T và bà H không thỏa thuận được nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm tuyên phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà T, ông B, anh N không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông B, anh N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Bành Thị Ngọc T là bị đơn, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Tuyết M, bà T cho rằng bà M chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà T có làm giấy tay đề ngày 10-6-2008. Tuy nhiên, Tờ mua bán đất này không thể hiện phần đất chuyển nhượng là thửa đất nào, tờ bản đồ số mấy, diện tích bao nhiêu, đất tọa lạc tại đâu và bà M đã chết năm 2021, nên không chứng minh được việc bà T nhận chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp bà M. Đồng thời bà T, ông

B, anh N cho rằng không còn nơi ở nào khác ngoài phần đất tranh chấp nên không đồng ý di dời là chưa phù hợp với thực tế khách quan. Bởi lẽ, căn cứ vào báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ cấp xã, phường xét duyệt các hộ dân bố trí cụm dân cư giai đoạn 2, đợt 15 và 15 bổ sung có hộ bà Bành Thị Ngọc T và Ủy ban nhân dân thành phố S cũng đã ban hành Công văn số 422/UBND-HC ngày 27/4/2023 về việc phê duyệt danh sách các hộ dân được xét duyệt bố trí vào cụm dân cư đợt 2 trên địa bàn thành phố S thống nhất phê duyệt danh sách 28 hộ dân vào cụm dân cư xã T và cụ dân cư An Hòa trong đó có hộ bà Bành Thị Ngọc T. Mặt khác tại biên bản hòa giải ngày 2/9/2019 bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 01 năm kể từ ngày 05/9/2019 đến ngày 05/9/2020 và trong vụ án trước bà H khởi kiện tranh chấp với bà T ở Tòa án, đến ngày 25/3/2022 bà T và bà H làm Văn bản thỏa thuận bà T đồng ý di dời nhà giao đất cho bà H thời gian di dời là 03 tháng kể từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/6/2022 nhưng bà T đều không thực hiện. Vì vậy có căn cứ xác định quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp Hình 1, Hình 5 là của bà H. Nay bà H yêu cầu bà T, ông B, anh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà H phần đất Hình 1, H1 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà T, ông B, anh N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T thay đổi kháng cáo đề nghị bà H hỗ trợ chi phí di dời nhà với số tiền 60.000.000 đồng thì bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H. Bà H đồng ý hỗ trợ thêm số tiền 10.000.000 đồng trong trường hợp bà T và các thành viên trong hộ đồng ý tự nguyện di dời nhà trả đất lại bà H. Bà T và bà H không thỏa thuận được tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bà T, ông B, anh N giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T, ông B, anh N không được chấp nhận nên bà T, ông B, anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T, ông B đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[6]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Bành Thị Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N.

Buộc bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N liên đới di dời phần nhà tiền chế Hình 1 gồm các mốc A, B, C, D, 4, A diện tích 10m² và phần nhà phụ Hình 5 gồm các mốc C, 3, D đến C diện tích 1,3m², trả lại cho bà Nguyễn

Thị Kim H phần đất Hình 1, Hình 5 diện tích tổng cộng là 11,3m² theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

(kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 24/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 24/11/2022).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H hỗ trợ bà Bành Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B, anh Hồ Minh N chi phí di dời nhà tiền chế, nhà phụ Hình 1, H1 5 ra khỏi phần đất đang tranh chấp. Số tiền bà H hỗ trợ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hồ Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003093 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Sa Đéc;
- Chi Cục THADS TP Sa Đéc;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

